

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 02 và chương trình công tác tháng 3 năm 2016

Trong tháng, sản xuất tiếp tục gặp khó khăn, cụ thể: Mặn tăng đột biến và cao nhất từ đầu mùa đến nay, cao hơn cùng kỳ từ 5,4-11%; lúa Đông xuân xuống giống kéo dài và có khả năng bị thiếu nước; giá cả vật tư đầu vào phục vụ sản xuất duy trì ở mức cao; sản lượng thủy sản khai thác và sản lượng nuôi vùng mặn, lợi giảm so cùng kỳ; thời tiết không ổn định làm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và cũng là điều kiện thuận lợi để phát sinh các dịch bệnh trong chăn nuôi. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa:

+ Vụ Thu Đông mùa: Thu hoạch 9.242 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay 86.695 ha, đạt 98,8% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,32 tấn/ha (tương đương cùng kỳ 0,01 tấn/ha).

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 4.976 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 66.652 ha, vượt 2,5% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 2.278 ha); thu hoạch trà lúa sớm 565 ha (Cầu Kè), năng suất trung bình 6,21 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 1.374 ha, gồm cháy bìa lá 535 ha, tỉ lệ 5-10%; sâu cuốn lá nhỏ 385 ha; còn lại là rầy nâu, ốc bươu vàng gây hại ở mức độ nhẹ. Do thiếu nước và ngộ độc hữu cơ làm 1.158 ha lúa bị thiệt hại trên địa bàn các huyện Trà Cú, Châu Thành, Duyên Hải, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh, trong đó mức độ thiệt hại trên 70% là 365 ha, từ 30-70% là 10 ha, từ 10-30% là 783 ha. Thực hiện 16 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 3.308 ha.

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 220 ha tại xã Tam Ngãi huyện Cầu Kè.

- Cây màu: Gieo trồng 6.318 ha, nâng tổng diện tích đến nay 17.515 ha, đạt 30,5% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 929 ha), trong đó: màu lương thực 2.020 ha, màu thực phẩm 9.054 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 6.441 ha. Tiếp tục theo dõi 2 mô hình cánh đồng lớn trên mía, diện tích 44,65 ha, đã thu hoạch 4,9 ha, năng suất 110 tấn/ha, cao hơn ngoài mô hình 03 tấn/ha.

- Công tác sản xuất, cung ứng giống: Nhân giống lúa OM 5451, diện tích 10 ha, đang trong giai đoạn đòng trổ, phát triển tốt; nhân giống bưởi da xanh 06 ha tại các huyện Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, phát triển bình thường. Trình diễn 02 ha lúa lai BTE1 Gold và 6129 tại huyện Tiểu Cần, đang trong giai đoạn làm đòng. Tổ chức sản xuất 11,4 ha lúa giống (cấp nguyên chủng 6,6 ha). Tiếp tục chăm sóc vườn cây ăn trái và vườn ươm cây giống. Cung ứng 225 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 63,7 tấn giống (3 tấn nguyên chủng) và 960 cây giống các loại.

b) Chăn nuôi, thú y:

- Tình hình chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm tăng, giảm không đáng kể.

- Tình hình dịch bệnh:

+ Bệnh LMLM: 47 gia súc có biểu hiện bệnh LMLM tại 9 hộ chăn nuôi của huyện Trà Cú, Càng Long và Tiểu Cần (41 con bò, 6 con heo). Cơ quan chuyên môn hướng dẫn chăm sóc, điều trị, đến nay đã hồi phục không phát sinh thêm trường hợp mắc bệnh mới.

+ Cúm gia cầm: Cúm gia cầm xuất hiện tại 02 hộ nuôi vịt ấp An Định Giồng và ấp An Thạnh, xã Tân Bình, huyện Càng Long, tổng đàn 6.600 con, nguồn gốc con giống tại địa phương, có cấp sổ theo dõi chăn nuôi nhưng chưa được tiêm phòng. Cơ quan chuyên môn đang tiến hành dập dịch theo quy định.

- Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm gia cầm được 91.596 con; tiêm vaccine LMLM dập dịch tại huyện Trà Cú và Tiểu Cần được 1.165 con gia súc; tiêm phòng thường xuyên cho 42.124 con gia súc, tiêm phòng đại chó, mèo 59 con. Nâng tổng số đến nay tiêm phòng cúm được 333.340 gia cầm (gà 118.821 con, vịt 214.519 con); tiêm vaccine LMLM dập dịch 1.165 con gia súc; tiêm phòng thường xuyên cho 75.877 con gia súc (dịch tả 26.719 con; tụ huyết trùng 24.959 con; phó thương hàn 24.199 con); đại chó, mèo 159 con. Sử dụng 96 lít hóa chất phun xịt sát trùng, không chế khu vực bệnh LMLM, diện tích 56.000 m² của 1.931 hộ chăn nuôi.

c) Lâm nghiệp: Chăm sóc vườn ươm cây giống phục vụ trồng rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn các huyện Duyên Hải và Cầu Ngang. Kiểm tra diện tích rừng bị thiệt hại do triều cường, kết quả có 0,21 ha rừng phi lao bị sạt lở; khảo sát, đo đạc diện tích rừng phi lao nhiễm bệnh để thực hiện xây dựng phương án khai thác tận thu. Tổ chức 84 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 01 trường hợp vi phạm; nâng tổng số đến nay tổ chức 160 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 03 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định. Tuyên truyền, vận động được 124 hộ dân sống ven rừng phi lao ký cam kết sử dụng lửa an toàn.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 10.357 ha, thu hoạch 3.477 tấn (1.973 tấn cá lóc, 111 tấn tôm sú, 136 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay thả nuôi 19.955 ha, thu hoạch 7.584 tấn (4.494 tấn cá lóc, 146 tấn tôm sú, 236 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 7,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 428 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 285 triệu con tôm sú giống, diện tích 5.613 ha; 102 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 175 ha; 15 triệu con cua biển, diện tích 4.497 ha, thu hoạch 421 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 560 triệu con tôm sú giống, diện tích 10.389 ha; 297 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 570 ha; 29,6 triệu con cua biển, diện tích 8.773 ha, thu hoạch 720 tấn (thấp hơn cùng kỳ 923 tấn). Tuy nhiên, có 12,4 triệu con tôm sú giống (chiếm 2,2%) và 64 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 21,8%) bị thiệt hại. Nguyên nhân, do chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm, môi trường nước đầu vụ chưa ổn định, làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tôm chết trong giai đoạn từ 30 – 45 ngày tuổi.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 10,8 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 72 ha (cá lóc 7,6 triệu con, diện tích 16,3 ha; tôm càng xanh 18 ngàn con, diện tích 0,6 ha; còn lại là các loại cá khác); thu hoạch 3.056 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 28,6 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 221 ha (cá lóc 16,2 triệu con, diện tích 36,6 ha; tôm càng xanh 6,2 triệu con, diện tích 59 ha; còn lại là các loại cá khác); thu hoạch 6.864 tấn, đạt 12,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.439 tấn, riêng cá lóc cao hơn cùng kỳ 1.351 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng 5.264 tấn (868 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay 11.006 tấn (2.079 tấn tôm), đạt 13,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.195 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 862 tấn (312 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay 1.886 tấn (768 tấn tôm), đạt 13,6% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 258 tấn.

+ Khai thác hải sản: 4.403 tấn (556 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay 9.120 tấn (1.311 tấn tôm), đạt 13,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 937 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 959 tấn thủy sản (tôm sú 32 tấn, tôm thẻ 267 tấn), chế biến 477 tấn, tiêu thụ 398 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 1,6 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 1.088 tấn thủy sản (tôm sú 53 tấn, tôm thẻ 374 tấn), chế biến 549 tấn, tiêu thụ 478 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,2 triệu USD.

- Kiểm dịch 49,3 triệu con tôm sú giống, 115,5 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 08 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản. Kiểm tra vệ sinh thú y thủy sản đối với 37 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 05 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 02 giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản. Nâng đến nay kiểm dịch 107 triệu con tôm sú giống, 247 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 26 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản. Kiểm tra vệ sinh thú y thủy sản đối với 68 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 06 giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản.

- Công tác giống: Tiếp tục chăm sóc 04 ao nuôi tôm càng xanh toàn đực, đàn cá tra, cá lóc, cá sặc rần bố mẹ chuẩn bị sản xuất con giống cung cấp cho người nuôi. Điều tiết, cung ứng cho người nuôi được 1,7 triệu con post tôm sú, 1,3 triệu con post tôm thẻ và 0,5 triệu con tôm càng xanh.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 04 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 116 lượt người dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức được 52 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 1.441 lượt người dự, gồm các nội dung vận động thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tiêu chuẩn ấp, hộ nông thôn mới, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo vệ cảnh quang môi trường, hàng rào, trồng cây xanh, làm cột cờ kết hợp đèn chiếu sáng,...

+ Đến nay, Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã quyết định công nhận 108.680 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 49,75% trên tổng số hộ phát động; 111 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 16,32% trong tổng số ấp.

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Đến nay có 22 xã đạt 19 tiêu chí (17 xã có quyết định công nhận); 05 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 58 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư: Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục đường giao thông liên ấp, báo cáo giải trình tính cấp bách của dự án Di dân sạt lở ấp Côn Phụng, xã Long Hòa theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đề nghị thẩm định nguồn vốn thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương bàn giao mặt bằng dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa cho Công ty TNHH Điện gió Hàn Quốc-Trà Vinh 1.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tập trung hồ sơ quyết toán 04 dự án hoàn thành trong năm 2015; giải ngân đến tháng 2 được 5,3 tỷ đồng, đạt 88,46% kế hoạch phân bổ vốn. Trong tháng lắp đặt cho 708 hộ sử dụng nước máy do ngành đầu tư, cung cấp, nâng tổng số hộ sử dụng nước máy đến tháng 02/2016 là 80.609 hộ.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

Tham mưu lãnh đạo Sở lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ban ngành tỉnh và địa phương đề cương, dự toán lập Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh và Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Lấy ý kiến của Sở Tài chính dự toán rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh lại theo ý kiến đóng góp của Sở Tư pháp dự thảo Quyết định ban hành quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và dự thảo Quyết định, Quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị trực thuộc xây dựng các quy hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, dự án năm 2016; dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Chỉ đạo theo dõi, báo cáo tình hình khô hạn, mặn ảnh hưởng đến sản xuất lúa Đông Xuân để có biện pháp bảo vệ sản xuất; .

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp tăng cường công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh; kiểm tra tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- Lấy ý kiến thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán xây dựng công trình Trạm quản lý bảo vệ rừng Đông Hải và công trình vườn ươm cây bán ngập mặn; bổ sung phương án trồng rừng thay thế và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

- Thông báo trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Quyết toán nguồn vốn sự nghiệp năm 2015, phân giao vốn sự nghiệp cho các đơn vị thuộc Sở năm 2016 để triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cung cấp số liệu phục vụ kiểm toán Nhà nước năm 2016.

- Tham mưu phê duyệt phương án tía thưa, điều chỉnh mật độ rừng Đước khu Căn cứ Hậu cần – kỹ thuật Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; phê duyệt phương án phòng cháy chữa cháy rừng năm 2016; hoàn thành công tác thẩm định hồ sơ thiệt hại do thực hiện công trình Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

- Tổng hợp trả lời kiến nghị cử tri sau kỳ họp lần thứ 19 Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo tình hình trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2016.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Các địa phương tổ chức thực hiện 81 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 49.098m, khối lượng 184.314 m³, đạt 12% kế hoạch.

- Nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình gia cố sạt lở đoạn đê Tả Hữu sông Cổ Chiên xã Long Hòa, huyện Châu Thành; kết hợp địa phương kiểm tra tình trạng xuống cấp các cầu trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên; chuẩn bị hồ sơ yêu cầu, tổ chức đấu thầu và lựa chọn nhà thầu thi công công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2016.

- Tổ chức 20 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện, xử lý 02 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay 32 đợt kiểm tra an toàn các tuyến đê, phát hiện 09 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và tiến hành xử lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch thu quỹ phòng chống thiên tai năm 2016; hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục triển khai thực hiện 20 dự án, gồm 11 dự án chuyển tiếp và 09 dự án khởi công mới (10 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 05 công trình đê, kè; 04 công trình dân dụng, 01 công trình phục vụ trồng màu), tổng khối lượng thực hiện và giải ngân đến tháng 02/2016 là 327 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch vốn phân bổ (niên độ kế toán năm 2015).

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất: Xây dựng kế hoạch chuyên đề phát triển kinh tế hợp tác năm 2016; hỗ trợ HTX dứa sáp Hòa Tân (Cầu Kè) xây dựng kế hoạch trở thành mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới; hỗ trợ công ty mía đường Trà Vinh xây dựng phương án thực hiện cánh đồng lớn cây mía giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tham gia đoàn công tác của UBND tỉnh tham quan học tập kinh nghiệm mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới tại tỉnh Kiên Giang. Tổng hợp ý kiến đóng góp của các Sở, ngành tỉnh và địa phương về mức hỗ trợ cụ thể xây dựng cánh đồng lớn.

f) Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:

- Quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra ATTP 41 cơ sở kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện Duyên Hải, Cầu Ngang và Thị xã Duyên Hải trong dịp Tết Nguyên đán; kiểm tra, đánh giá 08 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông-lâm-thủy sản, kết quả 07 cơ sở xếp loại A, 01 cơ sở xếp loại B; cấp 02 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm 76 mẫu nông, thủy sản. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh, kiểm tra ATTP 41 cơ sở kinh doanh thực phẩm; kiểm tra, đánh giá 43 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông-lâm-thủy sản, kết quả xếp loại có 24 loại A, 19 loại B; cấp 25 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 88 mẫu (50 mẫu nông sản, 38 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 54 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 17 tàu, đăng ký 17 tàu, cấp 14 sổ danh bạ (84 thuyền viên), cấp 16 giấy phép khai thác thủy sản, 18 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 73 tàu cá (01 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 22 tàu, đăng ký 25 tàu, xóa bộ 03 tàu, cấp 23 sổ danh bạ (128 thuyền viên), cấp 27 giấy phép khai thác thủy sản, 22 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.196 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 86.689 CV (208 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 228 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 422 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 64,6 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 606 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.080 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 83 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, sử dụng chất cấm salbutamol trong chăn nuôi, quản lý giống thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý tàu cá đối với 11 hộ chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm động vật, 17 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 12 tàu cá; thu, phân tích 10 mẫu thịt, nước tiểu heo để kiểm tra; xử lý 06 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra 17 hộ chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh sản phẩm động vật, 23 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu, phân tích 10 mẫu; xử lý 08 trường hợp vi phạm.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

Khảo nghiệm 3 bộ giống (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh) và 13 giống lúa lai, diện tích 0,65 ha, đang phát triển tốt.

Tổ chức 46 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm thẻ, tôm sú và tôm càng xanh tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và Châu Thành cho 1.318 lượt người dự.

Xây dựng kế hoạch chuẩn bị triển khai thực hiện các mô hình trình diễn trong năm 2016.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Bệnh cúm gia cầm, LMLM trên gia súc xuất hiện và có khả năng lây lan.
- Lúa Đông xuân xuống giống kéo dài trong điều kiện mặn tăng cao, thiếu nước ngọt, có khả năng bị thiệt hại và sẽ ảnh hưởng đến những vụ tiếp theo; công tác quản lý lịch thời vụ thiếu chặt chẽ, vẫn còn tình trạng xuống giống không theo lịch thời vụ, gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch bệnh và điều tiết nước;
- Đầu vụ nuôi 2016, tôm thiệt hại rải rác do môi trường ao nuôi chưa ổn định, nhiệt độ giữa ngày và đêm chênh lệch lớn;
- Số lượng tàu khai thác giảm dẫn đến sản lượng khai thác thủy, hải sản đạt thấp so với cùng kỳ;
- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm đặc biệt là các sản phẩm thủy sản khô chưa được khắc phục.

2. Nguyên nhân:

- Không còn chính sách tiêm phòng miễn phí, trong khi các hộ chăn nuôi chưa chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi nên khả năng xuất hiện các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi là rất lớn;
- Một số nông dân chưa tuân thủ lịch thời vụ (lúa, nuôi thủy sản), quy trình cải tạo ao nuôi, chưa có ao lắng, lọc để xử lý nước.
- Giá nguyên vật liệu phục vụ khai thác thủy, hải sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi;
- Chăn nuôi của tỉnh chủ yếu là nhỏ, lẻ và một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, nên khả năng xảy ra dịch là rất lớn; việc chuyển từ tiêm phòng miễn phí sang có thu phí chưa được người chăn nuôi hưởng ứng;
- Việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 03

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung chỉ đạo chăm sóc diện tích lúa hiện diện trên đồng; khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện sâu bệnh phòng trị kịp thời; tăng cường công tác dự tính, dự báo tình hình sâu, bệnh nhất là đạo ôn lá, cháy bìa lá, rầy nâu và chuột gây hại; hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị xuống giống lúa hè thu theo lịch thời vụ.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tiếp tục triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2016, nhất là cây màu dưới chân ruộng như bắp, dưa hấu, bí đỏ, rau thực phẩm các loại..., tuyên truyền, vận động nông dân mở rộng diện tích cây màu ở những nơi có điều kiện và diện tích rau an toàn.

- Chăn nuôi: Tập trung xử lý và khống chế dịch cúm gia cầm không để lây ra diện rộng; chỉ đạo các địa phương chủ động và tăng cường các biện pháp phòng, chống bệnh dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; vận động nông dân tiêm phòng cho đàn vật nuôi nhất là cúm gia cầm, LMLM gia súc; tăng cường kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động giết mổ và giết mổ tập trung; tiếp tục thực hiện quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi.

b) Lâm nghiệp: Xây dựng Phương án tận thu rừng Phi lao chết do nhiễm bệnh tại xã Đông Hải huyện Duyên Hải; xây dựng Phương án trồng rừng thay thế các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục chăm sóc cây bản đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để thực hiện trồng rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020. Tiếp tục tuyên truyền pháp luật quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân sống trong khu vực rừng và ven rừng.

c) Thủy sản: Tiếp tục hướng dẫn nông dân cải tạo ao đầm phục vụ cho vụ nuôi năm 2016, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn quản lý chặt chẽ lịch thời vụ; tập trung chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2015 chuyển sang. Tuyên truyền nông dân thả nuôi con giống có nguồn gốc, chất lượng; theo dõi tiến độ thả nuôi thủy sản nhất là tôm sú và tôm thẻ chân trắng; hướng dẫn nông dân quản lý, chăm sóc tốt diện tích nuôi tôm sú, tôm chân trắng trong điều kiện thời tiết lạnh.

d) Phát triển nông thôn:

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá tiêu chí nông thôn mới cho phù hợp với thực tế của địa phương; điều chỉnh tiêu chuẩn, qui định công nhận ấp, hộ nông thôn mới. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới; cấp phát tài liệu tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho địa phương.

- Các Dự án di dân: Phối hợp bàn giao mặt bằng dự án cho Công ty TNHH Điện gió Hàn Quốc-Trà Vinh 1; kiểm tra tiến độ thi công các hạng mục công trình; kiểm tra tiến độ thi công, nghiệm thu giai đoạn hạng mục công trình Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; phê duyệt kết quả lựa chọn

nhà thầu, thương thảo ký hợp thi công hạng mục Đường giao thông liên ấp thuộc dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

2. Công tác chuyên ngành:

- Đôn đốc địa phương khẩn trương thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2016; theo dõi, giám sát tình hình xâm nhập mặn để kịp thời có biện pháp bảo vệ sản xuất; tổ chức đấu thầu và triển khai thi công công trình duy tu bảo dưỡng đề điều năm 2016.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản năm 2016.

- Theo dõi tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp năm 2015 và chuẩn bị hồ sơ triển khai các dự án khởi công mới.

- Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho nông dân; theo dõi các mô hình đang thực hiện, tổ chức đánh giá, nhân rộng.

- Thực hiện tuyên truyền, các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho cán bộ quản lý Nhà nước, các hộ sản xuất và người tiêu dùng; tổ chức thu mẫu kiểm soát VSATTP nông, thủy sản và kiểm soát dư lượng chất độc hại trong thủy sản nuôi; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư 45/TT-BNNPTNT. Thực hiện đợt cao điểm năm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp phục vụ Tết Nguyên đán Bính Thân 2016.

- Tiếp tục sản xuất, cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản nước ngọt và chuẩn bị các điều kiện sản xuất giống tôm sú phục vụ cho năm 2016; tập trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động các trạm cấp nước hiện có, phấn đấu lắp đặt thêm cho 900 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ chương trình công tác tháng 3 của Sở, các phòng, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đoàn Xuân Triều

BÁO CÁO THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tính đến ngày 15/02/2016

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	176.584	211.330	11.293	171.907	97,35%	81,35%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	159.875	160.000	5.294	155.856	97,49%	97,41%
	Cây lúa	Ha	158.140	154.000	4.975	154.392	97,63%	100,25%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	89.209,4	89.000		87.739,94	98,35%	98,58%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	89.209,4	89.000	9.242	86.694,7	97,18%	97,41%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,400	54,20	53,25	53,27	99,75%	98,28%
	- Sản lượng	tấn	476.378	482.380	49.217	461.785,00	96,94%	95,73%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	68.930,9	65.000	4.975,5	66652,48	96,69%	102,54%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	544,0	65.000	565,0	565,0	103,86%	0,87%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	61,3	8,82	62,1	62,1	101,23%	703,55%
	- Sản lượng	tấn	3.334,7	412.750	3.506,0	3.506,0	105,14%	0,85%
	Cây màu	Ha	18.443,7	57.330	6.317,6	17.514,8	94,96%	30,55%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.734,2	6.000	318,8	1.463,2	84,37%	24,39%
	- Diện tích thu hoạch	"	103,1	6.000	87,0	87,0	84,35%	1,45%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,8	52,00	54,0	54,0	100,33%	103,85%
	- Sản lượng	Tấn	555,1	31.200	469,8	469,8	84,63%	1,51%
1.2.	Cây có củ	Ha	564,2	3.350	162,2	557	98,67%	16,62%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	249,1	1.550	59,9	225	90,33%	14,52%
	+ Diện tích thu hoạch	"	28	1.550	19,0	19,0	67,33%	1,23%
	+ Năng suất	Tạ/ha	161,3	159,70	161,42	161,42	100,07%	101,07%
	+ Sản lượng	Tấn	455,2	24.754	306,7	306,7	67,38%	1,24%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	188,7	1.150	72,3	207	109,96%	18,04%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4,0	1.150	7,0	7,0	175,00%	0,61%
	+ Năng suất	Tạ/ha	137,2	151,50	148,3	148,3	108,07%	97,88%
	+ Sản lượng	Tấn	54,9	17.423	103,8	103,8	189,13%	0,60%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	126,3	650	30,0	124	98,26%	19,10%
	+ Diện tích thu hoạch	"	6,3	650	6,8	6,8	107,94%	
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	9.798,2	31.830	2.698,9	9.053,9	92,40%	28,44%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	9.559,9	31.000	2.635,9	8.866	92,74%	28,60%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.302,3	31.000	2.011,0	2.011,0	87,35%	6,49%
	+ Năng suất	Tạ/ha	223,1	223,94	223,8	223,8	100,30%	99,94%
	+ Sản lượng	Tấn	51.371,7	694.200	45.014,2	45.006,2	87,61%	6,48%

Mã số	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	238,3	830	63,0	188	78,78%	22,62%
	+ Diện tích thu hoạch	"	62,2	830	39,0	39,0	62,74%	4,70%
	+ Năng suất	Tạ/ha	16,7	18,67	17,5	17,5	104,91%	93,82%
	+ Sản lượng	Tấn	103,8	1.550	68,3	68,3	65,82%	4,41%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		6.347,1	16.150	3.137,7	6.441	101,48%	39,88%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.242,1	5.000	963,9	2.207	98,41%	44,13%
	+ Diện tích thu hoạch	"	195,1	5.000	191,6	191,6	98,20%	3,83%
	+ Năng suất	Tạ/ha	44,9	53,00	53,1	53,1	118,25%	100,23%
	+ Sản lượng	Tấn	876,5	26.500	1.017,8	1.017,8	116,12%	3,84%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	3.206,0	6.100	1.673,7	2931,29	91,43%	48,05%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		6.100				
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.100				
	+ Sản lượng	Tấn		671.000				
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	899,0	2.400	341,6	813,96	90,54%	33,92%
	+ Diện tích thu hoạch	"	7	2.400	4	4	57,14%	0,17%
	+ Năng suất	Tạ/ha	97,5	103,40	103,6	103,6	106,27%	100,19%
	+ Sản lượng	Tấn	68	24.816	41	41	60,72%	0,17%
	Cây trồng khác	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	431,6	2.650	158,6	489	113,38%	18,47%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2,3	2.650	3,10	3,10	134,78%	0,12%
2	Cây lâu năm							
3	Cây ăn quả							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	15.926,46	42.700	10.357	19.955	125,29%	46,73%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	107,11	4.000	72	221	206,22%	5,52%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi cá	"	70,10	2.500	72	162	230,64%	6,47%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	0,40	50	0	0	25,00%	0,20%
	+ Cá lóc	"	36,61	290	17	37	100,19%	12,65%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	-	1.500	1	59		3,95%
	Trong đó: tôm càng xanh	"		1.500	1	59		3,95%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	15.819,4	38.700	10.285	19.734	124,74%	50,99%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	15.819,4	37.000	10.285	19.734	124,74%	53,33%
	Trong đó: + Tôm sú	"	8.278,7	19.000	5.613	10.390	125,50%	54,68%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	687,3	5.000	175	571	83,02%	11,41%
	+ Cua biển	"	6.853,3	13.000	4.497	8.773	128,02%	67,49%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.700				0,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	19.357,7	181.000	8.741	18.590	96,04%	10,27%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	7.156,1	101.200	3.477	7.584	105,98%	7,49%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	5.513,0	55.500	3.056	6.864	124,51%	12,37%
	- Sản lượng cá	"	5.315,85	55.000	3.034	6.736	126,72%	12,25%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	366	10.000	31	62	16,80%	0,62%
	+ Cá lóc	"	3.635	27.000	1.973	4.494	123,63%	16,64%
	- Sản lượng giáp xác	"	197,1	500	22	128	64,74%	25,52%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	197,1	500	22	128	64,74%	25,52%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	1.643,2	45.700	421	720	43,82%	1,58%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	1.609,8	43.500	406	686	42,63%	1,58%
	Trong đó: + Tôm sú	"	450,9	14.500	111	146	32,35%	1,01%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	708,1	21.000	136	236	33,28%	1,12%
	+ Nuôi cua biển	"	450,7	8.000	159	305	67,63%	3,81%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	33,4	2.200	15	34	101,05%	1,53%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	12.201,55	79.800	5.264	11.006	90,20%	13,79%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	10.057,41	65.900	4.403	9.120	90,68%	13,84%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	4.941,3	25.000	1.603	3.320	67,18%	13,28%
	Trong đó: - Loài	"						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ năm trước	KH vụ/năm 2016	TH tháng 02	Ước TH kỳ này	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.428,9	8.900	556	1.311	91,75%	14,73%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn				-		
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	3.687,1	32.000	2.243	4.490	121,76%	14,03%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.144,1	13.900	862	1.886	87,96%	13,57%
	Trong đó: - Cá các loại	"	882,9	6.500	420	868	98,36%	13,36%
	- Tôm các loại	"	816,8	4.200	312	768	94,00%	18,28%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	444,5	3.200	129	250	56,20%	7,81%